Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Kết cấu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Văn Phê

2. Ngày tháng năm sinh: 05/11/1984 ; Nam ☑ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 103 nhà A2 Khu KTX đại học Giao thông vận tải, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phạm Văn Phê, bộ môn Kết Cấu, Phòng 408, Nhà A6, Đại học Giao thông vận tải, số 3 Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0865651184;

E-mail: phe.phamvan@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 07/2009 đến 07/2010: Trợ giảng bộ môn Kết cấu, Đại học Giao thông vận tải.

Từ 07/2010 đến nay: Giảng viên bộ môn Kết cấu, Đại học Giao thông vận tải.

Từ 01/2011 đến 12/2013: Học thạc sĩ, Đại học Ottawa, Ontario, Canada.

Từ 01/2015 đến 04/2018: Nghiên cứu sinh, Đại học Ottawa, Ontario, Canada.

Chức vụ: Hiện nay: .....; Chức vụ cao nhất đã qua: .....

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kết cấu, khoa Công Trình, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Địa chỉ cơ quan: số 3 Láng Thượng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 37663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 06 năm 2008; số văn bằng: A0156274; ngành: Xây dựng Cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng Cầu đường bộ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 12 năm 2013; số văn bằng: .....; ngành: Khoa học ứng dụng (Applied Science); chuyên ngành: Kỹ thuật công trình (Civil Engineering); Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Ottawa (University of Ottawa), Canada.

- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 08 năm 2018; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: Kỹ thuật công trình (Civil Engineering); Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Ottawa (University of Ottawa), Canada.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,

ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Phân tích khả năng giữ ổn định của dầm thép chịu ảnh hưởng của các biến dạng khiếm khuyết và tính toán giải pháp gia cường ổn định cho dầm thép.

- Hướng nghiên cứu 2: Áp dụng và cải tiến các lý thuyết phân tích kết cấu để phân tích các ứng xử của kết cấu dầm thép thành mỏng và dầm thép được gia cường tấm dán GFRP.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **01 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **01 đề tài cấp Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo), 01 đề tài cấp Nhà nước (quỹ Nafosted)** với vai trò chủ nhiệm đề tài;

- Đã công bố (số lượng) **18 bài báo khoa học**, trong đó có **14** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (gồm 09 bài SCIE Q1, 02 bài SCIE Q3, 02 bài ESCI, 01 bài Scopus) mà ứng viên là tác giả chính.

- Đã được cấp (số lượng) …… bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **01** sách giáo trình, trong đó …….. thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo do "Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021" theo Quyết định số 4309/QĐ-BGDĐT ký ngày 12/11/2021.

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (Trường Đại học Giao thông vận tải) năm học 2020-2021 theo Quyết định số 1846/QĐ-ĐHGTVT ký ngày 14/10/2021.

- Giấy khen của Hiệu trưởng trường đại học Giao thông vận tải do "Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019" theo Quyết định số 1786/QĐ-ĐHGTVT ký ngày 27/08/2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, có bằng tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy.

- Đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà giáo, giảng dạy trình độ đại học, tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, hướng dẫn và đánh giá luận văn thạc sĩ. Tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo. Tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên môn.

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có lý lịch bản thân rõ ràng; có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 6 tháng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010-2011					545		545/ 780,8/ 280
2	2011-2012					271		271/ 338,3/ 140
3	2013-2014					300		300/ 310,4/ 140
4	2014-2015					146		146/ 155,6/ 135
5	2018-2019					533	45	578/ 761,8 / 270
03 năm học cuối								
6	2019-2020					323		323/ 357,8/ 270
7	2020-2021			2		382	45	427/ 551,7/ 270
8	2021-2022			2		261		261/ 344,5/ 270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☑ và luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Thạc sĩ tại Canada năm 2013 và Tiến sĩ tại Canada năm 2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Duy Hưng		HVCH	x		2020-2021	Trường đại học Giao thông vận tải	20/01/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Động lực học công trình	GT	Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2021	3	Đồng tác giả	155-166	Biên bản nghiệm thu giáo trình ngày 25/12/2020. ISBN: 978-604-76-2355-6

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],……

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Phát triển mô hình dầm composite trong điều kiện tải trọng cơ, nhiệt, độ ẩm và ứng dụng cho một số kết cấu khung, dầm composite	Chủ nhiệm	B2019-GHA-01, Bộ Giáo dục và đào tạo (cấp Bộ)	01/2019-12/2020	18-01-2021 / Xếp loại: Đạt

2	Xây dựng lý thuyết phân tích sức kháng của dầm-cột thép gia cường bằng hai tấm dán GFRP	Chủ nhiệm	107.02-2019.12 (33-Cơ học), Quỹ Nafosted (cấp Nhà nước)	09/2019-09/2021	01-04-2022 / Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Finite-Element Formulations for the Spatial Static Response of Steel Beams Bonded to a GFRP Plate	2	Tác giả chính	Journal of Engineering Mechanics, ASCE / ISSN: 1943-7889	Tạp chí SCIE, (IF = 2.62, Q1)	4	141(4), 04014143	09/2014
2	A shear deformable theory for the analysis of steel beams reinforced with GFRP plates	2	Tác giả chính	Journal of Thin-Walled Structures / ISSN: 0263-8231	Tạp chí SCIE, (IF = 4.442,Q1)	11	85, 165-182	12/2014
3	Nonshear Deformable Theory for Analysis of Steel Beams Reinforced with GFRP Plate Closed-Form Solution	2	Tác giả chính	Journal of Structural Engineering, ASCE / ISSN: 1943-541X	Tạp chí SCIE, (IF = 3.312, Q1)	3	141(12), 04015063	05/2015
4	Adhesive Stresses in Wide Flange Steel Beams Bonded To GFRP Plate under Twist	2	Tác giả chính	Proceedings of the International Conference on Civil, Structural and Transportation Engineering Ottawa, Ontario, Canada / ISBN: 978-1-927877-12-8	Hội nghị khoa học quốc tế có phản biện		267, 1-8	05/2015

5	Adhesive Stresses in Wide Flange Steel Beams Bonded To GFRP Plate under Transverse Bending	2	Tác giả chính	Proceedings of the International Conference on Civil, Structural and Transportation Engineering Ottawa, Ontario, Canada / ISBN: 978-1-927877-12-8	Hội nghị khoa học quốc tế có phản biện		268, 1-10	05/2015
6	Complementary strain energy solution for higher order beam theory	3	Tác giả chính	24th International Congress of Theoretical and Applied Mechanics (ICTAM 2016) / ISBN NR1-127-2016E-EPUB	Hội nghị khoa học quốc tế có phản biện		3, 1978-1979	08/2016
7	Elastic Analysis of Steel Beams Strengthened with GFRP Plates Including Pre-existing Loading Effects	3	Tác giả chính	Journal of Structural Engineering, ASCE / ISSN: 1943-541X	Tạp chí SCIE, (IF = 3.312, Q1)	4	143(12), 04017163	12/2017
8	Finite Element Formulation for the Analysis of Multilayered Beams based on the Principle of Stationary Complementary Strain Energy	3	Tác giả chính	Journal of Engineering Structures / ISSN: 0141-0296	Tạp chí SCIE, (IF = 4.471, Q1)	3	167, 287-305	07/2018
II	Sau khi được công nhận TS							
9	Lateral Torsional Buckling Analysis of Steel Beams Strengthened with GFRP plate	3	Tác giả chính	Journal of Thin-Walled Structures / ISSN: 0263-8231	Tạp chí SCIE, (IF = 4.442, Q1)	4	131, 55-75	10/2018
10	Shear deformable super-convergent finite element for steel beams strengthened with glass-fiber reinforced polymer (GFRP) plate	3	Tác giả chính	Canadian Journal of Civil Engineering / ISSN: 1208-6029	Tạp chí SCIE, (IF = 1.432, Q3)	2	46 (4) 338-351	01/2019

11	Stationary complementary energy high-order theory for the static analysis of beams	3	Tác giả chính	Annals of Solid and Structural Mechanics / ISSN: 1867-6944	Tạp chí Scopus, (Q2)		12, 199-220	12/2019
12	Moment resistances of wide flange beams with initial imperfection and residual stresses	2	Tác giả chính	Journal of Materials and Engineering Structures / ISSN: 2170-127X	Tạp chí ESCI, (IF=0.565, Q4)		7, 651-658	12/2020
13	Enhancement of moment resistance of steel beams with initial imperfections and residual stresses by using stiffeners and GFRP plates	1	Tác giả chính	Journal of Materials and Engineering Structures / ISSN: 2170-127X	Tạp chí ESCI, (IF=0.565, Q4)		7, 659-667	12/2020
14	Solutions of the interfacial shear and normal stresses in plate flexural-strengthened beams based on different complementary strain energy assumptions	1	Tác giả chính	Journal of Engineering Structures / ISSN: 0141-0296	Tạp chí SCIE, (IF = 4.471, Q1)	1	229, 111567	02/2021
15	An enriched model based on a complementary strain energy variational principle for the stress analyses in FRP plate-strengthened beams	2	Tác giả chính	Journal of Mechanics of Materials and Structures / ISSN: 1559-3959	Tạp chí SCIE, (IF = 1.094, Q3)		16 (3), 237-262	05/2021
16	Comparison of inelastic moment resistances of rolled steel beams based on different specifications and a numerical study	5	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải / ISSN: 2615-9554	Tạp chí		73 (1), 16-30	01/2022
17	An innovated theory and closed form solutions for the elastic lateral torsional buckling	1	Tác giả chính	Journal of Engineering Structures / ISSN: 0141-0296	Tạp chí SCIE, (IF = 4.471, Q1)		256, 114046	04/2022

	analysis of steel beams/columns strengthened with symmetrically balanced GFRP laminates							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ƯV là tác giả chính sau PGS/TS: **08** bài (số thứ tự: 9,10,11,12,13,14,15,17).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
-					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
-					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò ƯV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
-						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ***Ứng viên không bị thiếu.***

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ***Ứng viên không bị thiếu.***

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ***Ứng viên không bị thiếu.***

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☑

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **Có** (*Bài báo khoa học này **KHÔNG** được liệt kê tại mục 7.1*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18	Numerical and analytical investigation for ultimate capacity of steel beams strengthened with GFRP plates	3	Tác giả chính	Journal of Engineering Structures / ISSN: 0141-0296	Tạp chí SCIE, (IF = 4.471, Q1)		243, 112668	09/2021

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ***Ứng viên không bị thiếu.***

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ***Ứng viên không bị thiếu.***

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Phê